

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 154/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Trọng Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Tạc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Y Kăn Niê – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 460/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** – Sinh năm: 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Buôn E, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ở hiện nay: **Số H đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn B** – Sinh năm: 1980

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Buôn E, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt).

Nơi ở hiện nay: **Số H đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2024, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có tổ chức đám cưới. Bà H, ông B có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 11/5/2012. Bà H, ông B chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không chia sẻ, quan tâm nhau trong công việc. Vì vậy, bà H, ông B đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, mặc dù đã nhiều lần cố gắng hòa giải để nối lại hạnh phúc nhưng không đạt kết quả, nay bà H làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xem xét, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông B. Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông B có hai con chung là cháu Phạm Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/12/2012 và cháu Phạm Nguyễn Như Ý, sinh ngày 05/4/2016. Hiện nay hai con chung đang sống cùng bà H, bà H là người trực tiếp trông nom nuôi dưỡng và đưa đón hai con đi học. Bà H đề nghị Tòa án giao hai con chung là cháu Phạm Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/12/2012 và cháu Phạm Nguyễn Như Ý, sinh ngày 05/4/2016 cho mẹ là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay bà H đang kinh doanh quán cà phê, thu nhập trung bình khoảng 20.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Văn B trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn. Vợ chồng không có chuyện gì ngoài kinh tế khó khăn. Về con chung: Có 2 con chung Phạm Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/12/2012 và Phạm Nguyễn Như Ý, sinh ngày 05/4/2016 hiện nay đang cùng chung sống tại H N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra ông Phạm Văn B không trình bày gì thêm.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:**

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn B. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Phạm Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/12/2012 và cháu Phạm Nguyễn Như Ý, sinh ngày 05/4/2016 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn B, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Buôn E, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn B tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 11/5/2012 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà H và ông B thừa nhận cuộc sống chung có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông B và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H ly hôn với ông Phạm Văn B. Ông B mặc dù thừa nhận mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân với bà H nhưng không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng ông Phạm Văn B không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có thiện chí hòa giải, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn B là không thể hòa giải, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn B, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn B có hai con chung là cháu Phạm Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/12/2012 và cháu Phạm Nguyễn Như Ý, sinh ngày 05/4/2016. Các con chung đều có nguyện vọng muốn được ở với bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, ông Phạm Văn B không có ý kiến đối với

việc ai là người trực tiếp nuôi con. Hiện nay bà **H** đang kinh doanh quán cà phê, thu nhập trung bình khoảng 20.000.000 đồng/1 tháng, đủ điều kiện đảm bảo để trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng của bà **Nguyễn Thị H** được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu **Phạm Nguyễn Hoàng P**, sinh ngày 03/12/2012 và cháu **Phạm Nguyễn Như Ý**, sinh ngày 05/4/2016 và bà **H** không yêu cầu ông **B** cấp dưỡng nuôi con chung, là phù hợp.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Nguyễn Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà **Nguyễn Thị H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H**.

**Về quan hệ hôn nhân:** Bà **Nguyễn Thị H** được ly hôn với ông **Phạm Văn B**.

**Về con chung:** Giao con chung cháu **Phạm Nguyễn Hoàng P**, sinh ngày 03/12/2012 và cháu **Phạm Nguyễn Như Ý**, sinh ngày 05/4/2016 cho bà **Nguyễn Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà **Nguyễn Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản chung và nợ chung:** Bà **Nguyễn Thị H** và ông **Phạm Văn B** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về án phí:** Bà **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0010064 ngày 14/5/2024.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND xã Cư Kty, H. Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk (Giấy CNKH số: 20-11/5/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**